

PHẦN ĐẦU CỦA CẤU TRÚC DANH NGỮ TIẾNG VIỆT THẾ KỈ XVII TRONG VĂN BẢN *THIÊN CHÚA THÁNH GIÁO KHẢI MÔNG VÀ ĐỨC CHÚA GIÊ-SU* CỦA JERONIMO MAIORICA

TRẦN HƯƠNG THỰC*

Abstract: This paper examines the pre-head part of the structure of Vietnamese noun phrases extracted from: *God of the Holy Spirit and Jesus Christ* (volume 7 and volume 8) by Jeronimo Maiorica (1591-1656). The results show the differences (mainly the vocabulary list) of the elements participating in the noun phrases structure as well as the semantic differences compared to their counterparts today. The first part of the noun phrase structure has been developed to fill the positions, and this feature is rarely found in other sources that have been studied until now.

Key words: *noun phrases, pre-head noun phrases, noun phrase structure, Jeronimo Maiorica, historical grammar.*

1. Dẫn nhập

Trong nghiên cứu ngữ pháp lịch sử tiếng Việt, các vấn đề của danh ngữ (noun phrase), động ngữ (verb phrase) luôn được quan tâm bởi đây là một đơn vị phân tích cú pháp rất căn bản, có vị trí, ý nghĩa và giá trị rất quan trọng. Công việc này nói chung từ trước đến nay đã có một số kết quả nhất định; chúng ta có thể kể đến một số kết quả nghiên cứu đã được công bố, như nghiên cứu của Đinh Văn Đức, Nguyễn Văn Chính, Phạm Tú (1981), Trần Hoàng (1996, 2010), Đinh Văn Đức (2015), Vũ Đức Nghiệu ([9], [10]), Võ Thị Minh Hà [5]... Từ các nghiên cứu kể trên thì diện mạo ngữ pháp tiếng Việt nói chung và danh ngữ, tiếng Việt nói riêng trong quá khứ ở một số khía cạnh nào đó đã được tái hiện. Tuy nhiên, số lượng nghiên cứu ít ỏi đó vẫn còn hạn chế so với yêu cầu, đòi hỏi của thực tế ngôn ngữ. Bởi vì, những nghiên cứu về các đơn vị cấu trúc để phân tích cú pháp trong những phiên đoạn thời gian cụ thể là tiền đề cần thiết từ đó góp phần tạo nên bức tranh toàn cảnh. Chúng tôi thấy rằng việc nghiên cứu các danh ngữ tiếng Việt qua các văn bản thành văn hết sức cần thiết bởi có thể giúp hiểu sâu về bình diện ngữ pháp trong một lát cắt của diễn tiến lịch sử tiếng Việt, qua đó góp phần vào việc nghiên cứu lịch sử tiếng Việt.

Jeronimo Maiorica (1591-1656) là tác giả của 48 tác phẩm lớn nhỏ dịch từ các văn bản giáo lí Công giáo và truyện các thánh từ ngôn ngữ Latin sang chữ Nôm. Những văn bản này lâu nay vẫn được các nhà nghiên cứu xem là có vai trò đặc biệt quan trọng không chỉ trong lịch sử văn học Việt Nam mà còn là nguồn cứ liệu quan trọng để nghiên cứu phương ngữ, từ vựng, ngữ âm lịch sử tiếng Việt. Cách diễn đạt theo lối văn xuôi nên các ngữ đoạn tạo câu không bị hạn chế như trong cách hành văn đăng đối, văn điệu vốn là truyền thống của văn học trung đại. Các danh ngữ, động ngữ theo đó, có thể được triển khai đến mức tối đa. Vì vậy, tiếp nối các nghiên cứu kể trên chúng tôi khảo sát phần đầu cấu trúc danh ngữ trên nguồn ngữ liệu là *Thiên chúa thánh giáo khai mông* và *Đức Chúa Giê-su* quyển chi thất và *Đức Chúa Giê-su* quyển chi bát (gọi chung là *Đức Chúa Giê-su*) của tác giả Jeronimo Maiorica. Hai nguồn văn bản này được sưu tập tư liệu với công sức của các linh mục Thanh Lãng và Nguyễn Sơn Lâm từ năm 1961-1980, sau đó được học giả Vũ Văn Kính phiên âm sang chữ Quốc ngữ với sự cố vấn của linh mục Thanh Lãng từ năm 1980-1992; giai đoạn rà soát, in ấn, công bố do linh mục Nguyễn Hưng và nhóm nghiên cứu Hán Nôm Công giáo, nay là trung tâm Mục vụ tòa Giám mục Thành phố Hồ Chí Minh tiến hành chuyển dịch năm 2003. Kết quả nghiên cứu có thể giúp hình dung được những sự tương đồng và biến đổi về cấu trúc, thay đổi về chức năng, ngữ nghĩa của các thành tố cấu tạo nên phần đầu danh ngữ ở thời điểm thế kỉ XVII so với giai đoạn trước và

* Viện Ngôn ngữ học.

hiện nay. Việc đi sâu nghiên cứu, miêu tả cấu trúc danh ngữ tiếng Việt trong nguồn ngữ liệu khảo cứu giúp làm sáng tỏ một số đặc điểm của ngữ đoạn phụ thuộc của tiếng Việt, góp phần vào việc nghiên cứu lí luận về ngữ pháp tiếng Việt. Đồng thời giúp xác lập được diễn tiến lịch sử của phần đầu cấu trúc danh ngữ tiếng Việt ở giai đoạn người Việt bước đầu có sự tiếp xúc với ngôn ngữ, văn hóa Âu châu, với thói quen sử dụng đầu câu, theo tư duy logic và diễn đạt văn xuôi của người châu Âu.

2. Kết quả và thảo luận

Thành tố phụ trước có vị trí phía trái, tính từ vị trí trung tâm danh ngữ. Trong rất nhiều hướng xác định các tiểu loại danh từ làm thành tố trung tâm và vị trí này gồm mấy thành tố, chúng tôi chọn hướng giải quyết sau làm cơ sở làm việc: 1. Danh từ bao gồm hai loại là: Danh từ đơn vị và danh từ khối. 2. Trung tâm danh ngữ có thể do: danh từ đơn vị hoặc danh từ khối đảm nhiệm. Khi trong danh ngữ xuất hiện đồng thời cả hai kiểu loại danh từ này thì danh từ đơn vị sẽ đảm nhiệm vai trò trung tâm. (xin xem thêm: [1, tr. 124], [6, tr. 29-30; tr. 370 - 393]). Ở bài viết này, chúng tôi cũng tách “cái” với vai trò chỉ xuất ra khỏi cấu trúc ngữ đoạn danh ngữ bởi từ này là “một chỉ tố tình thái thuộc bình diện ngữ dụng” [10, tr. 262]; “có tác dụng nhấn mạnh sự chỉ trở một sự vật, với một thái độ nhất định - không nhất thiết là thái độ coi thường của người nói” [11, tr.107] hơn là một yếu tố thuộc cấu trúc ngữ đoạn có danh từ làm trung tâm (xin xem thêm: [11], Trần Đại Nghĩa (1998), [3]).

Kết quả khảo sát danh ngữ tiếng Việt trong hai tác phẩm *Thiên Chúa thánh giáo khai mông* và *Đức Chúa Giê-su* cho thấy phần đầu cấu trúc danh ngữ gồm có những thành tố sẽ được miêu tả dưới đây:

a) Thành tố phụ chỉ lượng

Thành tố phụ chỉ lượng là những đơn vị có vị trí nằm sát trung tâm danh ngữ, bổ sung ý nghĩa về số lượng cho danh từ ở vị trí trung tâm. Kết quả khảo sát danh ngữ cuốn *Thiên chúa thánh giáo khai mông* và *Đức chúa Giê-su* cho thấy thành tố phụ chỉ lượng có các tiểu loại nhỏ sau:

a.1. Thành tố phụ chỉ lượng là các từ chỉ số đếm chính xác

Các từ chỉ số đếm chính xác là những số đếm trong hệ thống số đếm tiếng Việt, như: *một, hai, ba...* Kết quả khảo sát ngữ liệu cho thấy trong hai tác phẩm khảo sát có sự xuất hiện của các danh ngữ có phần đầu là các từ chỉ số đếm chính xác. Thí dụ: *một thầy dòng ấy, mười sự răn cho ông, một bóng giống mình, mười hai tông đồ, ba giống sự dữ...* (*Thiên chúa thánh giáo khai mông*); *một chút của hèn mọn, một nắm đất ngậy muối, đại dột, một hạt Máu Thánh Đức Chúa Giê-su, một lễ Mi-sa, một hai sự lạ Đức Chúa Giê-su làm xưa khi truyền phép mẫu nhiệm ấy, hai ngày trước lễ, một hai hạt nước mắt, sáu trăm mười một người, bốn phương thiên hạ, một trăm tám bước, chín đấng Thiên Thần, sáu trăm sáu mươi sáu người, bốn mươi đôn, ba mươi đồng bạc nước người ...* Về cơ bản, đặc điểm này giống như trong tiếng Việt hiện đại. Tuy nhiên, ngữ liệu có sự xuất hiện của những ngữ cảnh dị biệt, không bình thường khi ở trung tâm danh ngữ là các danh từ khối [-đếm được] trực tiếp kết hợp với định ngữ hạn định hoặc các loại định ngữ khác ở phía sau và các từ chỉ số đếm ở phần đầu danh ngữ. Thí dụ:

- chia **một bánh ấy** ra làm mười ba phần để cho mình cùng mười hai thầy tớ ăn cùng (*Đức Chúa Giê-su*, tr.25)
- lại thấy thầy nó ngồi **một lều cao** (*Thiên Chúa thánh giáo khai mông*, tr.25)

Bên cạnh các danh ngữ này, lại có các danh ngữ “bình thường” là các danh ngữ có sự kết hợp của các từ chỉ số đếm chính xác với danh từ đơn vị ở trung tâm. Thí dụ:

- trao cho thầy tớ một người **một phần bánh (...)** (*Đức Chúa Giê-su*, tr.26)
- Ai có phép bằng phép để trong **một tấm bánh** (*Đức Chúa Giê-su*, tr.29)
- **một miếng bánh** chấm nước thịt (*Đức Chúa Giê-su*, tr.40)

Sự xuất hiện những danh ngữ dị biệt và danh ngữ chuẩn mực ở cùng một văn bản không hiếm trong các văn bản khác. Hiện tượng này cho thấy tính chất chưa ổn định của cấu trúc danh ngữ tiếng Việt ở giai đoạn tiếng Việt trung đại. Càng về sau, hiện tượng này càng hiếm gặp, có lẽ do khả năng kết hợp ngữ pháp giữa danh từ đơn vị và danh từ khối và/hoặc trật tự cấu trúc danh ngữ đã được xác lập ổn định hơn.

a.2. Thành tố phụ chỉ lượng là các danh từ chỉ số

Kết quả khảo sát cho thấy ở vị trí các thành tố phụ chỉ lượng có sự xuất hiện của các từ là các danh từ chỉ số như: *muôn, vắn, ngàn, trăm...* Chúng có thể đứng độc lập hoặc kết hợp với các danh từ chỉ số khác. Ví dụ: *muôn vắn kể ngày xưa, muôn vắn trùng, muôn muôn vắn vắn người, muôn vắn Thiên Thần, ngàn mọi sự sang trọng, ngàn mọi chức mọi quyền, ngàn mọi sự lành, trăm nghìn con nhà khác...* (Thiên chúa thánh giáo khai mông).

a.3. Thành tố phụ chỉ lượng là số từ kết hợp danh từ chỉ số

Đây là các danh ngữ có phần đầu là các từ chỉ số đếm chính xác kết hợp với các danh từ chỉ số. Ví dụ: *Một nghìn năm trước mặt Đức Chúa Trời như một ngày đã qua hôm qua* (Thiên chúa thánh giáo khai mông), *một ngàn ba trăm hai mươi mốt bước* (Đức Chúa Giê-su).

a.4. Thành tố phụ chỉ lượng là các từ chỉ số ước lượng

Trong các ngữ liệu khảo cứu, danh sách các từ chỉ số lượng ước chừng chỉ có sự xuất hiện của *mấy* và kết hợp tương đương. Ví dụ:

- Quan cùng dân chẳng khỏi **mấy** năm liền phải sự cực khổ (Đức Chúa Giê-su, tr.107)
- Chẳng khỏi **mấy** ngày thì nó mới sinh thì thật. (Thiên chúa thánh giáo khai mông, tr.18)

Đáng chú ý, sự xuất hiện của *mấy* không nhiều trong các tác phẩm khảo sát, trong *Đức Chúa Giê-su* *mấy* xuất hiện 1 lần, trong *Thiên Chúa Thánh giáo khai mông* xuất hiện 7 lần. Để thể hiện ý nghĩa ước lượng phỏng chừng kết quả khảo sát ghi nhận các văn bản có sự xuất hiện đều đặn của tổ hợp số đếm như: *một hai, hai ba*. Trong *Đức Chúa Giê-su*: *một hai* xuất hiện 12 lần, *hai ba* 2 lần; trong *Thiên Chúa Thánh giáo khai mông*: *một hai* xuất hiện 10 lần. Ví dụ: *một hai khi [lúc] bớt hay là thêm mặc, một hai sự vui thế gian, một - hai [sự] lành nó làm, một hai truyện về sự kính Đức Chúa Trời, Đức Chúa Trời sai ở đây một hai năm có ý sâu nhiệm, ngày sau sẽ biết...* (Thiên chúa thánh giáo khai mông); *một hai đồng bạc, một hai người khó khăn, một hai sự lạ, một hai hạt nước mắt, sống được hai ba ngày mới chết...* (Đức Chúa Giê-su).

a.5. Thành tố phụ chỉ lượng là các từ với ý nghĩa phân phối

Trong các văn bản khảo sát, có 4 lần xuất hiện *mỗi* với vai trò là từ chỉ ý nghĩa phân phối. Ví dụ:

- *Vậy phải biết trong mỗi sự phải tin, có hai sự trọng như cái vậy* (Thiên chúa thánh giáo khai mông, tr. 19)
- **mỗi** giống khác cùng về hai giống ấy (Thiên chúa thánh giáo khai mông, tr. 157)
- nó **mỗi** ngày đi chung quanh thành xin ăn mày, được của gì thì đem về nhà thờ (Thiên chúa thánh giáo khai mông, tr. 160)
- có một người phú quý chẳng có làm phúc cho ai sót, thì quý **mỗi** ngày đi xin đấy (Thiên chúa thánh giáo khai mông, tr.160)

Bên cạnh đó, sự xuất hiện của *một* trong các kết hợp *một a một b* với chức năng và ý nghĩa ngữ pháp tương tự như *mỗi*. Cấu trúc này xuất hiện khá đều đặn với 9 lần trong *Thiên Chúa thánh giáo khai mông*, 6 lần trong *Đức Chúa Giê-su*. Ví dụ:

- *Xưa có một thầy hay kính mến Đức Chúa Trời. Thầy ấy **một ngày một xin** cho được biết làm việc nào đẹp lòng Đức Chúa Trời hơn.* (Thiên Chúa thánh giáo khai mông, tr. 48)
- *Phải biết hễ là ai khi sinh ra thì có tội lỗi và khi đã lớn, **một khi** [lúc] **một thêm** tội nữa* (Thiên Chúa thánh giáo khai mông, tr. 84)
- *Xin giảng cho tôi bốn sự ấy, **một khi một điều** (...)* (Thiên Chúa thánh giáo khai mông, tr.130)

Khuôn cấu trúc này về cơ bản có 2 trường hợp: Trường hợp thứ nhất: a là danh từ và b cũng là danh từ, ví dụ: *một khi một điều, một nơi một phần...* Trường hợp thứ hai: a là danh từ và b là động từ, ví dụ: *một ngày một xin, một khi một thêm...* Một a tương đương về ngữ nghĩa với *mỗi a*. Một trong kết cấu *một + động từ* được “dùng với tư cách hư từ và có nghĩa “chỉ, chỉ có” (Vũ Đức Nghiệu, 2011); “từ một biểu thị ý

khẳng định “chỉ, duy chỉ có, không có gì khác” ngoài sự tình, trạng thái quá trình do vị từ biểu thị.” [10, tr. 361]. Theo khảo cứu của Vũ Đức Nghiệu [10] dựa trên nguồn ngữ liệu các văn bản từ thời tiếng Việt cổ đến cận đại, hiện đại thì đến văn bản *Truyện kỳ mạn lục* “mỗi” mới xuất hiện, và xuất hiện rất ít (3 lần). Tác giả cũng nhận định ở thời điểm thế kỉ XVII ý nghĩa và chức năng của từ *mỗi* chủ yếu do từ *một* hoặc kết hợp *mỗi một* đảm nhiệm. Càng về sau sự xuất hiện của *một*, *mỗi một* càng ít dần và hiện nay *một* hầu như “không còn được dùng riêng theo ngữ pháp và ngữ nghĩa này”. Có thể thấy, dưới một cái vỏ ngữ âm, “*một*” mang nhiều ý nghĩa ngữ pháp, khi nó vừa đảm nhiệm vai trò là số từ (*một miếng bánh, một nắm đất ngậy muội, đại đột...*), đồng thời vừa là hư từ (*một khi một điều, một ngày một xin...*). Với cương vị là hư từ, *một* tham gia vào 2 khuôn mẫu cấu trúc: “*một* + danh từ”, “*một* + động từ” khiến cho ngữ pháp, ngữ nghĩa của nó khá rối và nặng. Hiện tượng này dẫn tới việc *một* cần phải được giảm tải, phân chia lại về vai trò ngữ pháp, ngữ nghĩa. Do vậy, đã có sự phân công và thay thế xảy ra, khi càng về sau này, *một* hư từ càng lùi dần và bị thay thế hoàn toàn trong cả hai khuôn mẫu cấu trúc đã nêu.

a.6. Thành tố phụ chỉ lượng là các hư từ chỉ số nhiều

Vai trò đánh dấu ý nghĩa số nhiều trong các danh ngữ ở các ngữ liệu được khảo sát do *những*, *các*, *phô*, *mọi* đảm trách. Thí dụ:

Trong danh sách các từ trên thì *những*, *các*, *mọi* được sử dụng nhiều hơn cả. Trong *Thiên Chúa thánh giáo khai mông*: *các* xuất hiện 129 lần, *những* xuất hiện 89 lần, *mọi* xuất hiện 83 lần, *phô* xuất hiện 5 lần. Trong *Đức Chúa Giê-su*: *các* xuất hiện 152 lần, *mọi* xuất hiện 152 lần, *những* xuất hiện 133 lần, *phô* xuất hiện 22 lần.

Từ *các* trong ngữ liệu khảo sát không khác với tiếng Việt hiện đại. Tuy nhiên cần phân biệt *các* với ý nghĩa số nhiều và *các* có ngữ nghĩa tương tự như: *ông/ ngài/ vị* ngày nay trong một kết hợp duy nhất *các + quan*. Ví dụ:

- *Bấy giờ thàng Giu-da cùng **những các quan** và quân Giu-dêu nghe tiếng dạy sang trọng, sấm sét, uy nghi ở trên trời, liền ngã ra hết* (*Đức Chúa Giê-su*, tr.63)

- *cho nên ông ấy cùng **mấy các quan** từ chức, mà trốn đi xứ Ca-pha-do-a mà giảng đạo đầy* (*Thiên Chúa Thánh giáo khai mông*, tr. 55)

- *Xưa có **một các quan** tên là Phan-bô, đêm lễ Đức Chúa Giê-su sinh nhật, thì ăn trộm một con lợn mà ăn cùng bạn hữu, chẳng có lo sự phải phạt* (*Thiên Chúa Thánh giáo khai mông*, tr. 159)

Rõ ràng, sự xuất hiện của *các quan* ở các ngữ cảnh này là một kết hợp trong đó *các* không mang ý nghĩa số nhiều bởi nếu coi *các* ở các kết hợp *những các quan*, *một các quan* và *mấy các quan* mà *các* mang ý nghĩa số nhiều thì đây là những kết hợp “bất thường” trong tiếng Việt. Tuy nhiên, những kết hợp này xuất hiện không phải ít trong hai nguồn ngữ liệu khảo sát (*những các quan*: 6 lần; *mấy các quan*: 1 lần; *một các quan*: 2 lần). Nếu thay thế vị trí của *các* bằng *ông/ ngài/ vị* thì đó là những kết hợp logic về ngữ nghĩa và ngữ pháp. Thêm vào đó, trong cuốn *Tự vị An Nam-Latinh* của Pigneaux de Behaine có một số kết hợp mà ở đó *các* kết hợp với danh từ theo sau là các chức vị hoặc tầng lớp quý tộc: *các chức*: các bậc trọng vọng trong làng xã; *các cậu*: họ hàng của nhà vua. Từ những phân tích và đối chiếu với các tư liệu khác, có thể thấy *các* trong các trường hợp như: *những các quan*, *một các quan*, *mấy các quan* là danh từ trung tâm của danh ngữ, đi sau nó là định ngữ *quan*.

Từ *những* ngoài đặc điểm giống với tiếng Việt hiện đại đảm nhiệm vai trò “lượng ngữ hàm nghĩa phức số” [4] với ý nghĩa chỉ số nhiều thì nó còn biểu thị thêm ý nghĩa tình thái đánh giá “toàn bộ/toàn là/ chỉ toàn là”. Ý nghĩa “toàn bộ/ toàn là/ chỉ toàn là” của *những* ngày nay có thể không phổ biến nhưng thỉnh thoảng vẫn được sử dụng, thí dụ: *đồng quá, những người là người*. Đặc điểm này đã được các nghiên cứu đi trước chỉ ra như trong các nghiên cứu đi trước như [5], [10]. Trong ngữ liệu khảo sát sự xuất hiện *những* với vai trò này xuất hiện khá nhiều, như trong các ngữ cảnh trích dẫn dưới đây:

- *Tôi đã lên núi cao kia, trên đỉnh núi ấy thấy đất bằng lắm, đi hết đất ấy mới lên một thang đồng, mà thấy một đền **những** vàng thật* (*Thiên Chúa thánh giáo khai mông*, tr.17)

- *Đêm sau thấy một người còn trẻ vác Câu-rút, trên đầu có đội mũ gai, bởi nương long chảy **những** máu ra.* (Thiên Chúa thánh giáo khai môn, tr.71)

- *Thí dụ như cha sinh được nhiều con, có con lớn có con bé, may áo **những** gấm tốt lành cho hết con mặc* (Thiên Chúa thánh giáo khai môn, tr. 91)

- *Cháo ấy **những** lửa đỏ góm lấm, lấy hết nước biển mà tắt lửa ấy thì cũng chẳng được* (Thiên Chúa thánh giáo khai môn, tr.155)

Có thể thấy sự khác biệt khá tinh tế này trong những ngữ cảnh cùng một đối tượng, sự vật, hiện tượng *những* có vai trò hàm nghĩa phức số với *những* mang vai trò tình thái có sự kết hợp với danh từ trung tâm:

- *Nước mắt này chảy xuống bây giờ vì thương linh hồn con, đến mai chảy ra **những** máu thật vì tội con cùng tội thiên hạ* (Đức Chúa Giê-su, tr.21)

- *ấy là ngọc vô giá bởi mình Đức Chúa Giê-su rơi xuống đất là **những** hạt máu trọng vô cùng* (Đức Chúa Giê-su, tr.61)

Từ *mọi* xuất hiện trong hai nguồn ngữ liệu khảo sát với số lần khá lớn. Về ý nghĩa và khả năng kết hợp với danh từ trung tâm *mọi* không có nhiều sự khác biệt với ngày nay ngoài hai điểm khác lạ. Một là, hiện tượng các danh từ chỉ số đếm đứng trước kết hợp với *mọi* để nhấn mạnh ý nghĩa số nhiều. Thí dụ:

- *là Chúa các người ta cây trồng, là mạch mọi sự lành, là **ngàn mọi** sự sang trọng* (Đức Chúa Giê-su, tr.20)

- *Hai chúng tôi rầy được ơn trọng hơn nữa muôn vàn trùng, vì cho tôi lột mình Chúa trị trời đất là **ngàn mọi** chức mọi quyền* (Đức Chúa Giê-su, tr.29).

Hai là, có trường hợp *mọi* kết hợp với từ có ý nghĩa chỉ trò, xác định ở phía sau của trung tâm danh ngữ mà theo Nguyễn Tài Cẩn (1975b) chúng không thể kết hợp với nhau do *mọi* là một từ dùng để nêu nhận định chung, khái quát, sau khi đã tổng kết về từng trường hợp lẻ nên *mọi* không thể cùng có chung một trung tâm với này, ấy [2, tr.45]. Thí dụ:

*Lại phải biết có một sự hằng có liên, chẳng có bởi vật nào mà ra, cùng chẳng có khi nào hết, hay là chết. Một sự ấy sẽ nên mọi sự khác ta xem. thấy hay là xem chẳng thấy, lại gìn giữ cùng trị **mọi sự** ấy* (Thiên Chúa thánh giáo khai môn, tr.19)

Hiện tượng này cũng xuất hiện ở các nguồn ngữ liệu khác ngoài hai nguồn ngữ liệu khảo sát của đề tài như trong *Phép giảng tám ngày: mọi sự ấy, mọi phép ấy, mọi việc ấy* hoặc trong *Thư Quốc ngữ: mọi sự về nhà chung, nhà thánh ấy*. Nên xem trường hợp này như một lỗi diễn đạt của người nước ngoài dùng tiếng Việt hay là hiện tượng phản ánh tính chất chưa ổn định của cấu trúc danh ngữ. Thiết nghĩ cần có sự xem xét trên một nguồn ngữ liệu phong phú hơn.

Từ *phô* xuất hiện trong các nguồn ngữ liệu khảo sát có xu hướng không phong phú bằng các từ khác trong nhóm. Về mặt ngữ nghĩa, từ này có nghĩa *toàn thể* tương tự như *các*; về mặt ngữ pháp *phô* thường kết hợp với các danh từ chỉ người ở ngôi thứ hai hoặc ngôi thứ ba để thể hiện số nhiều với mục đích dụng học thể hiện sự kính trọng. Thí dụ:

- *Song le nó khi trước đã bảo các quan rằng: **Phô** ông xem min hôn mặt ai, thì **phô** ông hãy bắt người ấy mà giữ cho cẩn* (Đức Chúa Giê-su, tr.64)

- *Đoạn mặc áo trắng mà quỳ xuống xin **phô** ông ấy chém mình (...)* (Thiên Chúa thánh giáo khai môn, tr. 56)

b) Thành tố phụ chỉ ý nghĩa “toàn thể”

Thành tố này do các từ chỉ ý nghĩa toàn thể đảm nhiệm. Trong các nguồn ngữ liệu khảo sát đảm nhiệm vị trí này bao gồm: *cả, cả và, hết, hết thay thay, hết cả và*. Thí dụ:

- *Thí dụ như cha sinh được nhiều con, có con lớn có con bé, may áo **những** gấm tốt lành cho **hết** con mặc, mà kẻ cả được mặc áo cả...* (Thiên chúa thánh giáo khai môn, tr.91)

- *cho ta được hay Đức Chúa Trời chẳng **những** là Chúa không, lại là Chúa nhất trên **hết** các vua Chúa.* (Thiên chúa thánh giáo khai môn, tr.119)

- người ta mới biết **cả và** hai đứa ấy ở trong địa ngục (Thiên chúa thánh giáo khai môn, tr.150)
- vì **cả và** Ba Ngôi là tính thiêng liêng ở khắp mọi nơi (Thiên chúa thánh giáo khai môn, tr.58)
- lại cho cai bốn đạo thành Ca-phô-a làm Vít vỏ **cả** đất ấy (Thiên chúa thánh giáo khai môn, tr.13)

Hết có vị trí đứng đầu danh ngữ, biểu thị ý nghĩa toàn thể/ toàn bộ. Thí dụ:

- Thí dụ như cha sinh được nhiều con, có con lớn có con bé, may áo những gấm tốt lành cho **hết** con mặc, mà kẻ cả được mặc áo cả (...) (Thiên chúa thánh giáo khai môn, tr.91)

- mà bỗng chốc bởi phép Đức Chúa Trời sinh được lúa cùng **hết** cây cối. (Thiên chúa thánh giáo khai môn, tr.38)

- **hết** bốn đạo ở khắp mọi nước (Thiên chúa thánh giáo khai môn, tr.76)

- Gọi là phép lạ trên **hết** mọi phép, vì tóm lại mọi phép Đức Chúa Trời làm. (Đức Chúa Giê-su, tr.38)

- Mùa ấy là lễ cả, **hết** người Giu-dêu họp lại trong thành Giê-ru-sa-lem (Đức Chúa Giê-su, tr.111)

Hết kết hợp cùng thay thay thay thế cho danh ngữ hoặc danh từ chỉ số nhiều đã được đề cập trước đó với vai trò làm chủ ngữ của câu. Ngữ liệu ghi nhận một ngữ cảnh như vậy:

- Cũng có ý xét kẻ chết xác đã lâu, và kẻ còn sống, cùng kẻ lớn, kẻ bé mà **hết thay thay** đều chết tức thì (Thiên chúa thánh giáo khai môn, tr.63)

Trong danh sách các từ chỉ toàn thể nêu trên thì chỉ có **cả** xuất hiện 1 lần còn lại **cả và** và **hết** xuất hiện với tần suất nhiều hơn cả. Đặc điểm này không thể kết luận được gì về sự phổ biến của **cả** bởi trong các nguồn ngữ liệu khác **cả** vẫn xuất hiện và nắm giữ chức năng ngữ pháp, ngữ nghĩa của một đại từ biểu thị ý nghĩa “toàn bộ/ toàn thể”. Cụ thể như trong: *Phật thuyết phụ mẫu đại báo ân trọng kinh* (1 lần), *Thiên tông khoa hư ngữ lục* (6 lần), *Quốc âm thi tập* (1 lần), *Hồng Đức quốc âm thi tập* (2 lần), *Truyện kỳ mạn lục* (9 lần), *Thơ Nôm Nguyễn Bỉnh Khiêm* (1 lần), *Chi Nam ngọc âm giải nghĩa* (2 lần), *Thư Quốc ngữ* (17 lần), *Truyện Kiều* (4 lần), *Truyện Hoa Tiên* (1 lần). Thí dụ:

- Một đồng xương khô này, ngõ ấy là **cả** đời xưa ta, ngõ ấy áng nạ ba đời ta, tao vậy nên kính lễ. (*Phật thuyết phụ mẫu đại báo ân trọng kinh*, tr. 163)

- Trăm năm ấy chửi kiếp làm người, Mười ước nay mừng vện **cả** mười. (*Hồng Đức quốc âm thi tập*, tr. 232)

Với vai trò là đại từ chỉ lượng, **cả** kết hợp với các từ đồng nghĩa hoặc gần nghĩa như *thầy, thay thay, và/hòa...* để đưa vào cùng một vị trí phân bố trong một kiểu cấu trúc cú pháp. Lối kết hợp này theo Vũ Đức Nghiệu [4] thiên về mục đích dụng học (nhấn mạnh ý nghĩa *tổng thể, toàn khối*). Tuy nhiên, trong các nguồn ngữ liệu khảo cứu của chúng tôi chỉ có sự xuất hiện của **cả và**, **hết cả và**. Thí dụ:

- thấy ba hạt sáng láng như ngọc lưu ly bởi nóc nhà thờ mà xuống, giống nhau **hết cả và** ba (Thiên chúa thánh giáo khai môn, tr. 35)

- người ta mới biết **cả và** hai đứa ấy ở trong địa ngục (Thiên chúa thánh giáo khai môn, tr.150)

Dưới đây là bảng số liệu tần số các kết hợp của **cả** với các từ trong nhóm lượng ngữ chỉ toàn thể trong sự đối chiếu với một số nguồn ngữ liệu khác

Ngữ liệu	cả và	cả thầy	cả thay thầy	thầy cả	hết cả và
<i>Thiên tông khoa hư ngữ lục</i>	2	3	0	1	0
<i>Quốc âm thi tập</i>	1	0	0	0	0
<i>Truyện kỳ mạn lục</i>	0	0	0	5	0
<i>Thiên Chúa thánh giáo khai môn</i>	27	0	0	0	1
<i>Đức Chúa Giê-su</i>	55	0	0	0	0
<i>Lịch sử nước An Nam</i>	2	0	0	0	0
<i>Từ điển Việt- Bồ- La</i>	2	0	0	0	0
<i>Thư Quốc ngữ</i>	15	0	2	0	0
<i>Nam Việt Dương hiệp tự vị</i>	6	1	0	0	0

Qua bảng thống kê trên có thể thấy về cơ bản sự phổ biến của một số kết hợp trong nhóm lượng ngữ chỉ toàn thể, trong đó phổ biến nhất là *cả* và xuất hiện trong tất cả các nguồn ngữ liệu, còn các kết hợp khác xuất hiện trong 1-2 nguồn ngữ liệu với số lần xuất hiện không nhiều.

Những kết hợp như: *toàn, toàn bộ, tất cả, toàn thể, tất cả* không thấy xuất hiện. Kết quả này tương tự như khảo cứu của [9], [10], [5]. Hiện tượng này cho thấy các thành tố phụ chỉ lượng hiện nay hay được sử dụng vào thời điểm thế kỉ XVII rất hiếm được sử dụng hoặc chưa được tạo lập để đứng vào danh sách nhóm thành tố phụ chỉ toàn thể. Vấn đề này cần có một nghiên cứu riêng với tư liệu đầy đủ và phong phú hơn.

Theo Nguyễn Hồng [7], Nguyễn Thị Tú Mai [8], trong quá trình truyền đạo ở Việt Nam, các thừa sai người Âu châu đã nhờ những thầy giảng người Việt giúp họ ghi chép bằng chữ Nôm những văn bản cần cho sự giao giảng truyền bá tôn giáo mới trong điều kiện chữ Quốc ngữ ở giai đoạn manh nha hình thành, vẫn chưa ổn định và phổ biến rộng rãi. Các nhà nghiên cứu cho rằng các sáng tác của Maiorica cũng có một quá trình tạo lập như vậy: Các thầy giảng đã nghe ông đọc (“Giê-rô-ni-mô Mai-ô-ri-ca thuật”), họ chép lại và có thể có những chỉnh sửa về mặt diễn đạt sao cho gần sát với tiếng Việt nhất. Cho nên, đây là các tác phẩm phản ánh ngôn ngữ thực tế đời thường, khác với lối diễn đạt thiên về phong cách học đã được chau chuốt theo văn điệu và có các cấu trúc cú pháp cặp đôi, đẳng đôi như trong *Truyền kỳ mạn lục* (bản chuyển Nôm vào thế kỉ XVI) hay *Quốc âm thi tập* của Nguyễn Trãi. Theo Đinh Văn Đức (2015) cấu trúc danh ngữ ngày xưa rất ngắn, nhiều nhất là dạng cặp đôi, với một danh từ và từ chỉ đơn vị đứng trước [tức một danh từ đơn vị và một danh từ làm định ngữ hạn định - THT]; các ngữ đoạn phức hợp không nhiều. Kết quả nghiên cứu của Vũ Đức Nghiệu cho biết cấu trúc phân đầu của danh ngữ có sự kết hợp của nhóm ở vị trí 2 (lượng ngữ chỉ toàn thể) và các từ ở vị trí 1 như: *thay thầy các, thay thầy mọi, hết mọi, hết các, tất bao nhiêu chur* [10, tr.302]. Kết quả khảo sát của bài viết cho thấy cấu trúc ngữ pháp phân đầu danh ngữ ở hai nguồn ngữ liệu khảo sát ở một khía cạnh nào đó đã được triển khai đến mức tối đa. Khi được lấp đầy vị trí 1 và 2, tuy nhiên các kết hợp khác với công bố của nghiên cứu đi trước. Thí dụ:

- *người ta mới biết cả và hai đứa ấy ở trong địa ngục* (Thiên Chúa thánh giáo khai môn, tr. 150)
- *cả và Ba Ngôi là tính thiêng liêng ở khắp mọi nơi* (Thiên Chúa thánh giáo khai môn, tr.58)
- *Ba ông Thánh chép hết mọi sự khi Đức Chúa Giê-su truyền phép San-ti-si-mô Sa-ca-ra-men-tô*

(Đức Chúa Giê-su, tr. 28)

- *Có cờ vua cấm trong dinh quan liền uốn xuống như lay Đức Chúa Giê-su là vua trọng trên hết mọi vua* (Đức Chúa Giê-su, tr.87)

Hiện tượng này hiếm gặp trong các nguồn ngữ liệu khác chủ yếu do tính chất loại hình văn bản bởi sự gò bó vào các khuôn mẫu cú pháp dẫn tới bị hạn chế về mặt số lượng âm tiết tham gia vào ngữ đoạn. Việc chỉ lấp đầy một vị trí hoặc là vị trí số 1 hoặc là vị trí số 2 không phản ánh bản chất phân đầu cấu trúc danh ngữ tiếng Việt. Bằng chứng rõ nét nhất là trong một số văn bản, tiêu biểu là các văn bản văn xuôi phân đầu cấu trúc danh ngữ vẫn có sự triển khai đầy đủ các vị trí.

3. Kết luận

Các nguồn ngữ liệu thành văn được lưu giữ đến ngày nay làm nguồn tư liệu soi chiếu cấu trúc ngữ pháp tiếng Việt trong quá khứ không nhiều. Bởi vậy, việc nhận xét ở tất cả khía cạnh là khó khả thi, chỉ có thể đưa ra một số nhận xét ở một vài phương diện cụ thể. Dựa trên hai nguồn ngữ liệu là *Thiên Chúa thánh giáo khai môn* và *Đức Chúa Giê-su* của tác giả Maiorica, bài viết đã cho thấy cấu trúc phân đầu danh ngữ trong nguồn ngữ liệu khảo sát về cơ bản giống với danh ngữ tiếng Việt ngày nay. Các nội dung ngữ pháp của phân đầu danh ngữ trong ngữ liệu do một số lượng các đơn vị từ vưng đảm nhiệm, tuy nhiên danh sách này có sự khác biệt với danh sách các đơn vị thuộc phân đầu danh ngữ ngày nay. Cũng như một số kết hợp trong nội bộ nhóm và giữa các vị trí cũng có sự khác biệt với danh ngữ hiện đại.

Ngữ liệu khảo sát là các tác phẩm văn xuôi được tạo lập bằng cách đọc cho đội ngũ trợ lí, thầy giảng là người Việt Nam chép nên về cơ bản đây là loại hình văn bản bám sát ngôn ngữ đời thường, không bị bó hẹp và giới hạn trong các cấu trúc đăng đối, vần điệu. Kết quả khảo sát cho thấy, phần đầu cấu trúc danh ngữ đã được triển khai một cách tối đa với sự xuất hiện của các danh ngữ có đầy đủ hai vị trí thành tố phụ chỉ lượng và thành tố phụ chỉ ý nghĩa “toàn thể”; đặc điểm này không gặp ở các nguồn ngữ liệu khác đã được nghiên cứu cho đến hiện nay.

NGUỒN NGŨ LIỆU KHẢO SÁT

1. Mayorica, Gieronimo S.J, 天主聖教啟蒙 - *Thiên chúa thánh giáo khai mông*, Bản dịch sang chữ Quốc ngữ do nhóm nghiên cứu Hán Nôm Công giáo, nay là trung tâm Mục vụ tòa Giám mục Thành phố Hồ Chí Minh tiến hành chuyển dịch, lưu hành nội bộ, 3/2003.
2. Mayorica, Jeronymo S.J, 德主枝秋卷之七&卷之八 - *Đức chúa Giê-su quyển chi thất & quyển chi bát*, Bản dịch sang chữ Quốc ngữ do nhóm nghiên cứu Hán Nôm Công giáo, nay là trung tâm Mục vụ tòa Giám mục Thành phố Hồ Chí Minh tiến hành chuyển dịch, lưu hành nội bộ, 8/2003.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

Tiếng Việt

1. Nguyễn Tài Cẩn, *Từ loại danh từ trong tiếng Việt hiện đại*, Nxb Khoa học xã hội, 1975.
2. Nguyễn Tài Cẩn, *Ngữ pháp tiếng Việt (Tiếng - Từ ghép - Đoản ngữ)*, Nxb Trung học chuyên nghiệp, 1975.
3. Đinh Văn Đức, Đinh Kiều Châu, *Góp thêm đôi điều vào việc nghiên cứu danh ngữ tiếng Việt*, Ngôn ngữ (1), tr. 39-46, 1998.
4. Đinh Văn Đức, *Ngữ pháp tiếng Việt (Từ loại)*, Nxb Đại học Quốc gia Hà Nội, 2001.
5. Võ Thị Minh Hà, *Cấu trúc danh ngữ và động ngữ tiếng Việt trong các văn bản chữ Quốc ngữ thế kỷ XVII*, Luận án tiến sĩ, Đại học Quốc gia Hà Nội, 2017.
6. Cao Xuân Hạo, *Tiếng Việt - mấy vấn đề ngữ âm, ngữ pháp, ngữ nghĩa*, Nxb Giáo dục, 1999.
7. Nguyễn Hồng, *Lịch sử truyền giáo ở Việt Nam*, Quyển 1 - (Các thừa sai Dòng Tên 1615-1663), Nxb Hiện tại, 1959.
8. Nguyễn Thị Tú Mai, *Nghiên cứu chữ Nôm và tiếng Việt qua văn bản Thiên chúa thánh giáo khai mông* (luận án tiến sĩ), Đại học Sư phạm Hà Nội, 2012.
9. Vũ Đức Nghiệu, *Cấu trúc danh ngữ tiếng Việt trong văn bản Phật thuyết đại báo phụ mẫu ân trọng kinh*, Ngôn ngữ (1), tr 3- 19, 2014.
10. Vũ Đức Nghiệu, *Ngữ pháp lịch sử tiếng Việt từ và ngữ đoạn*, Nxb Đại học Quốc gia Hà Nội, 2020.
11. Ủy ban Khoa học Xã hội Việt Nam, *Ngữ pháp tiếng Việt*, Nxb KHXH Hà Nội, 1983.
12. Hồng Nhuệ Nguyễn Khắc Xuyên (dịch và giới thiệu), *Tự vị Annam – Latinh của Pigneau de Béhaine*, Nxb Trẻ, 1999.

Tiếng Anh

13. Ostrowski, Brian Eugene, *The Nôm works of Geronimo Maiorica, s.j (1589-1656) and their christology*, Cornell University, USA, 2006.